

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 61/2017/DS - PT

Ngày 20/9/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Ông Lương Xuân Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLPT-DS ngày 04/8/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2017/QĐ- PT ngày 01/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 80/2017/QĐ – PT ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn K, xã NH1, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn H, xã NH2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đồng Văn T , sinh năm 1962: Địa chỉ: Thôn K, xã NH1, huyện LG, tỉnh Bắc Giang – Ủy quyền cho Chị Đồng Thị Q đại diện theo giấy ủy quyền ngày 26/4/2017 (chị Q có mặt, anh T vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn H, xã NH2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang - Ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Q là chồng đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 09/5/2017(Ông Q có mặt, bà M vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Văn Q.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Chị Đồng Thị Q trình bày: Chị có quan hệ quen biết với vợ chồng Ông Q, Bà M, gia đình chị có bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từ ngày 03/9/2013 đến ngày 07/4/2014 vợ chồng Ông Q bà M có mua thức ăn chăn nuôi lợn của gia đình chị nhiều lần, có lần mua trả tiền, có lần mua chưa trả tiền; các lần mua chị đều ghi sổ bán hàng để theo dõi và Ông Q có ký nhận vào sổ theo dõi bán hàng. Ngày 18/6/2014 Ông Q có trả cho chị 35.000.000 đồng, hiện gia đình Ông Q, bà M còn nợ gia đình chị tổng số tiền là 53.770.000 đồng. Mặc dù chị đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng Ông Q, bà M không trả, nay chị yêu cầu vợ chồng Ông Q, bà M phải có trách nhiệm thanh toán trả gia đình chị số tiền 53.770.000 đồng tiền mua thức ăn chăn nuôi lợn chưa trả và tiền lãi xuất theo quy định của pháp luật từ ngày 18/6/2014 đến nay.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn Q xác nhận toàn bộ lời khai của chị Q về mối quan hệ, thời gian mua thức ăn chăn nuôi lợn, số lượng tiền gia đình ông còn nợ chị Q là đúng. Nay chị Q yêu cầu gia đình anh phải trả chị Q số tiền mua thức ăn chăn nuôi lợn còn thiếu chưa trả là 53.770.000 đồng anh đồng ý, nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn tôi không thể trả ngay cho chị Q số tiền trên được, anh xin trả dần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đồng Văn T, do Chị Đồng Thị Q là vợ đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh T hoàn toàn đồng ý với ý kiến chị Q, anh Ủy quyền cho chị Q toàn quyền tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị M, do Ông Nguyễn Văn Q là chồng đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà M hoàn toàn đồng ý với ý kiến Ông Q, bà ủy quyền cho Ông Q toàn quyền tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DSST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Xử buộc vợ chồng Ông Nguyễn Văn Q, Bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm thanh toán trả Chị Đồng Thị Q, Anh Đồng Văn T 53.770.000 đồng tiền gốc và 10.741.000 đồng tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 64.511.000 đồng (sáu mươi bốn triệu năm trăm mười một nghìn đồng chẵn).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 3.266.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả Chị Đồng Thị Q 1.344.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0002285 ngày 19/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 29/6/2017 bị đơn Ông Nguyễn Văn Q kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về tiền lãi suất và phần án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 12/7/2017, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện LG kháng nghị bản án sơ thẩm về phần tính lãi và phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, đại diện viện kiểm sát không rút kháng nghị, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông nhất trí với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện LG. Ông đề nghị cho ông được trả dân tiền gốc và đề nghị không được tính lãi vì ông mua cám trả sau nên mỗi bao cám đã phải chịu thêm 1.500 tiền chậm trả. Về án phí đề nghị Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông.

Nguyên đơn chị Q trình bày: Nhất trí với bản án sơ thẩm đã xử, không chấp nhận với trình bày của bị đơn Ông Q, không nhất trí với kháng nghị của viện kiểm sát về phần lãi suất và nhất trí với kháng nghị về phần án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Các bên đương sự xác lập giao dịch dân sự từ năm 2013 đến năm 2014; là giao dịch dân sự được xác lập xong trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật. Nay các bên đương sự phát sinh tranh chấp, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì Tòa án phải áp dụng quy định của các Điều 428; 438; 305 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án. Nhưng Tòa án lại áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết là không đúng qui định của pháp luật. Ngoài ra bản án còn không áp dụng Điều 39; Điều 266; Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là thiếu sót.

- Chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Ông Q, bà M phải thanh toán trả cho chị số tiền gốc là 53.770.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị mới bổ sung yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu bổ sung này của chị Q là vi phạm quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Theo qui định tại khoản 2 Điều 305; Điều 438 Bộ luật dân sự 2005; Quyết định 2868/QĐ- NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm tức là 0,75%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán từ ngày 19/6/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2017. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc Ông Q, bà M phải trả tiền lãi cho chị Q, anh T với mức lãi suất là 0,83%/tháng là không đúng qui định trên.

- Về án phí: Ông Q, bà M sinh năm 1955 đã hơn 60 tuổi là người cao tuổi (theo qui định tại Điều 2 Luật người cao tuổi); Ông Q là Thương Binh do vậy căn cứ qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì người cao tuổi, người có công với cách mạng thì được miễn án phí. Nên Ông Q, bà M thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự. Nhưng Tòa án không tuyên miễn án phí cho Ông Q, bà M là không đúng qui định.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và tiền lãi theo hướng đã phân tích ở trên.

Vì sửa Bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả Ông Q tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn Q và kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang về việc bản án sơ thẩm xử buộc Ông

Nguyễn Văn Q trả tiền lãi suất của số tiền còn nợ cho Chị Đồng Thị Q là không đúng thấy:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn Chị Đồng Thị Q chỉ đòi tiền nợ gốc đối với vợ chồng Ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị M với số tiền 53.770.000 đồng còn nợ tiền mua cám lợn, chị Q cũng chỉ nộp tạm ứng án phí đối với số tiền đòi nợ này. Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung đòi tiền lãi của chị Q là vi phạm quy định tại Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Q, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang sửa bản án sơ thẩm. Không buộc Ông Nguyễn Văn Q và Bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền lãi đối với khoản nợ tiền này nữa.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang về việc Bản án sơ thẩm xử buộc Ông Nguyễn Văn Q, Bà Nguyễn Thị M chịu án phí là không đúng thấy:

Ông Nguyễn Văn Q, Bà Nguyễn Thị M đều sinh năm 1955. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2017 thì cả Ông Q, bà M đều đã trên 60 tuổi. Ông Nguyễn Văn Q là thương binh hạng 4/4. Do vậy, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Ông Nguyễn Văn Q, Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sửa bản án sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Nguyễn Văn Q, Bà Nguyễn Thị M.

[3] Về án phí phúc thẩm: Vì yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 244; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428; Điều 438 và Điều 305 Bộ luật dân sự 2005. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn Q. Sửa bản án sơ thẩm. Xử

1. Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Văn Q, Bà Nguyễn Thị M phải trả nợ Chị

Đồng Thị Q Anh Đồng Văn T số tiền nợ 53.770.000 đồng (Năm mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

2. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đồng Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Chi Đồng Thị Q 1.344.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0002285 ngày 19/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Nguyễn Văn Q, Bà Nguyễn Thị M.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Như Hiến